

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/HS-ST

Ngày 27 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mậu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Trần và ông Trần Xuân Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn La, Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại Quảng trường T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lãng Đức H, sinh ngày 10/02/1987; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; Đảng, đoàn thể: không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Sán diu; tôn giáo: Không; con ông Lãng Đức C (đã chết) và bà Trần Thị S; có vợ là Trần Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh V (có mặt).

2. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 03/01/1997; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; Đảng, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T2 và Trần Thị L; có vợ là Bùi Thị M và có 01 con; quá trình hoạt động của bản thân: Không; tiền sự: Không; tiền án: 01. Tại bản án số: 50/2022/HSST ngày 21/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xử phạt T1 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. (Ngày 16/11/2022, đã nộp án phí; ngày 21/3/2024, chấp hành xong thời gian thử thách, chưa được xóa án tích); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh V (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 15 giờ ngày 22/3/2024, Nguyễn Văn T1 đã sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, lắp sim thuê bao số 0345.911.365 gọi vào số điện thoại 0988.022.963 của Lăng Đức H hỏi mua 01 gói ma túy (heroin) với giá 200.000đ. H đồng ý và hẹn T1 ra đầu cầu Y thuộc xã Y, huyện T để mua bán. Sau đó, T1 một mình điều khiển xe máy điện nhãn hiệu ANBICO, BKS: MD7-028.29 đến địa điểm đã hẹn gặp H. Tại đây, T1 đưa cho H số tiền 200.000đ, H cầm tiền rồi đưa cho T1 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long bên trong có 01 gói nhỏ bằng giấy một mặt màu vàng một mặt màu trắng chứa chất cục bột màu trắng. T1 cầm gói ma túy đút vào túi quần bên trái đang mặc rồi điều khiển xe đi về đến đường liên xã thuộc thôn Đ, xã B, huyện T thì bị Tổ công tác Công an tỉnh V phát hiện, bắt quả tang và thu giữ các vật chứng gồm: T3 trong túi quần bên trái của T1 đang mặc 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long, bên trong có 01 gói nhỏ bằng giấy một mặt màu vàng một mặt màu trắng chứa chất bột cục màu trắng (được niêm phong ký hiệu A1); thu trong túi quần bên phải của T1 đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, vỏ màu xanh, bên trong có 01 thẻ sim có số thuê bao 0345.911.365 (niêm phong ký hiệu A2); tạm giữ của T1 01 xe máy điện nhãn hiệu Anbico, màu sơn đỏ, BKS: 88MD7-028.29.

Cùng ngày 22/3/2024, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp người và nơi ở của Lăng Đức H, đã phát hiện và thu giữ tại túi quần bên trái đang mặc của H 01 túi nilon, bên trong có 08 gói giấy một mặt màu trắng một mặt màu vàng chứa chất bột cục màu trắng (được niêm phong ký hiệu A3).

Tại Cơ quan điều tra, H khai nhận, khoảng 14 giờ ngày 22/3/2024, H một mình đi ra khu vực đầu cầu Y chơi, khi đi đem theo 09 gói ma túy (heroin) mục đích có ai hỏi mua thì bán, đến khoảng 15 giờ, H nhận được điện thoại của T1 hỏi mua 1 gói ma túy với giá 200.000đ, H đồng ý lấy 01 gói ma túy đút vào trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long bán cho T1 như nêu trên. Nguồn gốc 09 gói ma túy do H mua được của một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) ở khu vực đầu cầu C thuộc xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 1.000.000đ vào ngày 21/3/2024 (BL 53-57; 114 -172).

Tại bản kết luận giám định số: 789/KLGD ngày 26/3/2024, Phòng K Công an tỉnh V, kết luận:

“1. Chất cục bột màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,1921g (không phẩy một chín hai một gam, không kể bao bì).

2. Chất cục bột màu trắng của mẫu ký hiệu A3 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có tổng khối lượng 0,6493g (không phẩy sáu bốn chín ba gam, không kể bao bì)”.

Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho cơ quan trưng cầu gồm: A1 = 0,1307gam; A3 = 0,5281gam cùng toàn bộ bao gói.

Tại Cáo trạng số: 59/CT-VKSTĐ ngày 04/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo đã truy tố bị cáo Lăng Đức H về tội “Mua bán trái phép chất ma

túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lãng Đức H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Lãng Đức H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật sau giám định cùng toàn bộ bao gói; 01 gấn thẻ sim có số thuê bao 0988.022.963; 01 thẻ sim có số thuê bao 0345.911.365. Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ của bị cáo Lãng Đức H. Tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Redmi và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo. Trả lại bà Trần Thị L 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Anbico, BKS: 88MD7-028.29.

Các Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thể hiện:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 22/3/2024, tại khu vực cầu Y thuộc xã Y, huyện T, bị cáo Lãng Đức H có hành vi bán cho bị cáo Nguyễn Văn T1 01 gói ma túy heroine có khối lượng 0,1921gam với giá 200.000đ để bị cáo T1 sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được ma túy, T1 cầm ma túy đi về đến khu vực thôn Đ, xã B, huyện T thì bị Công an tỉnh V bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng. Quá trình bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, khám xét người bị

cáo H, Cơ quan điều tra thu giữ 08 gói ma túy heroine có khối lượng 0,6493gam mục đích tàng trữ để H bán kiếm lời.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Hành vi của bị cáo H đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật qui định:

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy.

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

Hành vi của bị cáo T1 đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật qui định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine.... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”;

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Ma túy là tệ nạn xã hội cần phải loại bỏ ra khỏi đời sống xã hội. Ngoài ra ma túy là nguyên nhân ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, sói mòn đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc, ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy.

Đối với bị cáo H: Bị cáo trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo T1: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Năm 2022, bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo H, do bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này. Ngoài lời khai của bị cáo H không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra trong vụ án này, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh nếu có căn cứ xử lý sau là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với mẫu vật ma túy do Phòng K Công an tỉnh V hoàn trả sau giám định gồm: A1 = 0,1307 gam; A3 = 0,5281 gam mẫu cùng toàn bộ bao gói là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền 200.000đ thu giữ của bị cáo H là tiền thu lời bất chính do bán bị cáo ma túy cho bị cáo T1 mà có cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi bên trong gắn thẻ sim có số thuê bao 0988.022.963 thu giữ của bị cáo H và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo bên trong gắn thẻ sim có số thuê bao 0345.911.365 thu giữ của bị cáo T1 là các phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc, trao đổi mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu, bán phát mại sung quỹ Nhà nước đối với 02 chiếc điện thoại và tịch thu, tiêu hủy đối với 02 thẻ sim là phù hợp.

Đối với 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Anbico, BKS: 88MD7-028.29 là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị L (mẹ đẻ bị cáo T1), đăng ký đứng tên chị Nguyễn Thị Đ (con gái bà L). Chị Đ mua mới chiếc xe nêu trên năm 2020, đăng ký xong tặng cho bà L làm phương tiện đi lại. Ngày 22/3/2024, bị cáo T1 hỏi mượn xe của bà L và sử dụng đi mua ma túy, bà L không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T1. Do đó, cần trả lại chiếc xe trên cho bà L là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lăng Đức H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lăng Đức H 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 22/3/2024).

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 22/3/2024).

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy mẫu vật sau giám định gồm: A1 = 0,1307gam; A3 = 0,5281gam mẫu cùng toàn bộ bao gói; 02 thẻ sim (trong đó 01 thẻ sim gắn trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi; 01 thẻ sim gắn trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo).

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000đồng của bị cáo Lăng Đức H.

- Tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo.

- Trả lại bà Trần Thị L 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Anbico, BKS 88MD7-028.29.

(Có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2024).

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Lăng Đức H và bị cáo Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Tam Đảo;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Các Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Mẫu Văn Mùi